

Số:21/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** anh Lê Văn N, sinh ngày 15/4/1983, CCCD số 037083024445, địa chỉ: thôn V, xã G, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** chị Bùi Thị V, sinh ngày 24/01/1980, CCCD số 037180008371, địa chỉ: xóm 5 P, xã G, tỉnh Ninh Bình,

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Vệc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự N và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Lê Văn N và chị Bùi Thị V.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* giao cháu Lê Thị V, sinh ngày 08/06/2012 cho chị Bùi Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành Viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng

Vệc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. *Về tài sản công nợ chung*: anh N, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: anh N phải nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000382 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND Khu vực;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND Gia Viễn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Quang Chung